



Vẫn Còn Cái Gốc

Tiểu Tử

Tôi sinh ra vào thời Pháp thuộc, lớn lên, ra đời với Mỹ Diệm, Mỹ Thiệu rồi... già trước tuổi sau ngày "cách mạng thành công"! Để thấy tôi đã có cái may mắn biết thằng Tây, biết Chú Sam, biết Bác: thằng Tây đội nón cối thực dân ngồi trên đầu thằng dân đội nón lá; chú Sam với cái nhãn bàn tay của chú nắm bàn tay người bạn mà chú giúp đỡ – cái nhãn chưa kịp tróc, chú đã buông rơi thằng bạn như buông rơi một vật vô tri! Trải qua ba trào như vậy mà tôi đã không thành Tây, không thành Mỹ, cũng không thành Bôn-sê-vít, nhờ truyền thống của ông cha: biết giữ gìn cái gốc. Điều này, tôi rất tự hào. Bây giờ, tôi xin tự giới thiệu ...

Tôi tên là Tư – Lê Di Tư – Theo ông nội tôi kể lại thì tôi thuộc dòng họ Lê Di ở Huế, một dòng họ nổi tiếng khoa bảng. Hồi đó, ông sơ ông sờ gì của tôi đã làm quan lớn trong triều đình. Ông được lệnh vua, đưa dân đi đày vào Nam khai hoang, dựng làng lập ấp, để mở mang bờ cõi. Khi ông vào đến vùng rừng thiêng nước độc mà sau này người ta gọi là Tây Ninh, ông ngã bệnh rồi chết. Sau đó, không nghe ông nội tôi kể tiếp. Điều mà tôi biết là đến đời ông nội tôi, cái gia tài quyền quy chữ nghĩa của dòng họ Lê Di chỉ còn lại đủ để ông nội tôi... bắt mạch hốt thuốc độ nhật! Rồi qua đến đời cha tôi, đời anh chị tôi... chỉ còn làm ruộng dài dài, mà mớ chữ nghĩa thì vừa đủ để ngâm nga mấy truyện thơ bình dân như Chàng Nhái Kiểng Tiên hay Bạch Viên Tôn Các.

Hồi đó, có người thắc mắc tại sao tôi đã mang cái họ Lê Di rất văn vẻ, rất ... quý phái mà lại có cái tên Tư nghe quá cộc lốc khô khan? Nói cho có vẻ... văn chương, cái họ của tôi như tấm lụa mềm mà sao cái tên của tôi thì như hòn sỏi nhám? Đó là do bản chất thật thà của cha tôi. Ông đặt tên anh em chúng tôi giống như ông đếm bầy con! Đầu tiên là anh cả tôi: Lê Di Một. Kế đó là anh Lê Di Hai. Tiếp theo là chị tôi: Lê Thị Ba. À! Chỗ này được cha tôi giải thích... gọn băng: Tại nó là con gái, mang họ Lê Di sao được, nữ sanh ngoại tộc mà! Cuối cùng là tôi, Lê Di Tư, sanh cách chị tôi đến chín năm. Vì vậy, ở nhà gọi tôi là thằng Út, còn hàng xóm thì gọi tôi là Út Tư, chắc là để khỏi lầm với những thằng Út khác.

Năm đó, tôi đến tuổi vào trường tiểu học. Cha tôi xách xe đạp chạy ra nhà việc (hồi đó, chỗ ban hội tề – là những người chức trách trong làng - làm việc được gọi là nhà việc, cũng có người gọi là nhà vương (bởi vì ngôi nhà đó có bốn cạnh bằng nhau) để trích lục khai sanh của tôi. Khi ông về đến nhà, ông cầm tờ khai sanh vừa chỉ chỗ vừa phàn nàn:

- Con mẹ thằng lục bộ! Hồi đó tao khai là Lê Di Tư, nó nghe rõ chứ, lại còn gục gặc đầu nói đờ đờ thứ bốn phải không. Vậy mà nó đánh dấu ư cách xa chữ u đến cả thước lận, thành ra là dấu sắc. Bây giờ thằng chả chết mất rồi, lấy ai mà đổi chất đây? Còn thằng lục bộ mới này thì nó đọc sao là chép y ra vậy. Con mẹ nó! Làm thằng nhỏ bây giờ tên là Tú. Coi vô duyên không?

Vậy là trong khai sanh – và mãi về sau này – tôi tên là Lê Di Tú! Phiền một điều là hồi đó cái tên Tú này tôi nghe không quen lổ tai. Cho nên, ngày đầu trong trường tiểu học, khi thầy giáo điểm danh, gọi đến Tú là tôi vẫn tĩnh bơ ngồi yên. Còn dòm qua ngó lại coi là đứa nào! Cũng may là thầy giáo lớp chót đó là cậu Sáu An - bà con bạn dì với má tôi - nên cậu đã biết qua cái sự trục trặc trong cái tên của tôi. Thấy bèn gọi " Tư " làm tôi giật mình dạ một tiếng lớn. Cả lớp cười rộ. Rồi mấy ngày sau đó, khi gọi đến Tú là thầy... chêm ngay tiếng Tư cho xong chuyện. Trẻ con dễ thấm, nên chỉ mấy hôm sau là tôi đã quen với cái tên Tú văn vẻ đó, như đã quen từ lâu!

Lật bật rồi tôi cũng trèo tới lớp nhứt, rồi đậu xép-phi-ca (certificat). Hồi này, ở nhà trúng mấy mùa lúa, nên cha tôi quyết định cho tôi học tới. Ông nói: ‘

- Thằng Út nó lanh lợi, bắt nó làm ruộng cũng uổng (Bây giờ nhớ lại, tôi không khỏi phì cười : ông làm như phải là ...cù lằn mới đi làm ruộng!)

Vậy là tôi được xuống Sài Gòn thi vào trường lớn (hồi đó, bậc trung học đã được gọi là trường lớn, bởi vì nó... lớn hơn trường tiểu học). Tôi thi đậu và ở nội trú. Cha tôi sắm cho tôi cái nón cối hiệu Con Gà Trống và đôi xăng-đan (sandales). Xưa nay, lúc nào tôi cũng đầu trần và đi chân không - đôi guốc chỉ dùng để... rửa chân ban đêm trước khi leo lên ván ngủ. Bây giờ, vào trường lớn phải khác!



Ở trường lớn, người ta gọi tôi là Tú Lê để phân biệt với thằng Tú Phạm học cùng lớp và cũng ở nội trú như tôi. Tôi mang cái tên Tú Lê được hai năm thì trong nước có giặc. Sài Gòn bị đồng

minh gì gì đó dội bom. Trường lớp bị đóng cửa, dân chúng thị thành tản cư. Cha tôi vội vã đem tôi về làng. Từ đó, tôi tập tành làm ruộng. Điều này không đi đúng với sự mong muốn của cha tôi. Lâu lâu ông hay nhắc:

- Con mẹ nó! Nếu không có giặc thì thằng nhỏ đã không phải về làm ruộng. Giòng họ Lê Di bây giờ chỉ còn có mình nó là khá. Vậy mà...

Câu nói thường bị bỏ lửng. Để thấy ông cũng hơi phiền trách ông Trời đã không giúp tôi đi theo “con đường chữ nghĩa” cho dòng họ Lê Di được nở rộ, mà đẩy tôi về với ruộng lúa, con trâu, cái cày... Riêng tôi thì lại thích được như vậy. Có lẽ tại vì cái gốc “ruộng” của tôi đã ăn quá sâu vào đất. Tôi sung sướng được trở về với cái tên “Út Tư” bình dị mà hàng xóm dùng để gọi tôi từ thuở ấu thời. Và tôi cũng quên để dành cái tên “Tú Lê” vẫn về đã bỏ lại ở một góc sân nào đó trong trường lớn...

Vào thời ông Diệm/ông Thiệu, tôi “đi” dân vệ. Để được ở lại làng giúp gia đình làm ruộng ngoài giờ công tác ở đơn vị địa phương. Bởi vì gia đình tôi không có tá điền tá thổ gì hết. Ngoại trừ mùa cấy hay mùa gặt phải mượn thêm người giúp cho “kịp mưa kịp nắng”, kỳ dư đều do người trong gia đình tôi làm lấy, kể cả mẹ tôi, mấy chị dâu anh rể tôi và vợ tôi nữa (hồi này tôi đã có vợ con). Kể lại như vậy để thấy rằng gia đình chúng tôi thuộc loại “**tay làm hàm nhai**” chứ không phải loại “**chỉ tay năm ngón, ngồi không trực lợi**”! Và nhờ trời, gia đình tôi làm ruộng mà “lúa ăn không hết”...

Sau biến cố tháng Tư 1975, tôi đi học tập hết ba hôm rồi về nhà tiếp tục làm ruộng. Yên chí rằng mình thuộc giới công nông đem “mồ hôi đổi lấy bát cơm”, lấy sức “lao động làm nên của cải” (mấy câu này tôi mới học được của mấy cán bộ cách mạng, cha nào cha nấy nói y như nhau, còn lập đi lập lại nữa nên...để nhớ!) Chớ không thuộc loại “Mỹ Ngụy ác ôn” hay “trí thức vong bản” hay “địa chủ phú nông, cường hào ác bá” gì gì... Tôi đã thật tình tin tưởng rằng mình “không có nợ máu với nhân dân” thì không có gì phải lo âu sợ sệt. Chẳng dè ít lâu sau ruộng bị “sung” vào hợp tác xã, còn chúng tôi thì làm công lại cho họ. Ngang ngược một cách rất...tự nhiên! (May quá! Cha mẹ tôi đã thất lộc trước ngày “cách mạng thành công”. Mừng cho ông bà!)

Vào hợp tác xã chưa đủ. Còn phải đi lao động (làm như đi làm ruộng mỗi ngày chưa phải là lao động!) Rồi đi hợp hành, học tập đường lối chủ trương (làm như phải có những thứ đó thì lúa...mới tốt!) Rồi đi mệt tinh, rồi hô khẩu hiệu, rồi khai lý lịch khai tới khai lui... Có đêm tôi nằm trăn trở, nghĩ tiếc cho cái gốc của ông bà để lại, bây giờ không còn đứng vững nữa. Cái gì không giống cái gì hết! Lai căn tạp nạp.

Vậy là sau một thời gian nhẩn nhục làm một “nhân khẩu” của chế độ, tôi thấy tối ngày cứ hô “sống mãi, sống mãi, sống mãi” chắc... chết quá! Tôi đành liều mạng mang vợ con vượt biên. Nhờ ơn trên phò hộ, chúng tôi đi thoát và tấp lên đảo Pulau Bidong (Mã Lai). Sau hơn bốn tháng “nằm” đảo, chúng tôi được chánh quyền Pháp nhận cho định cư. Đó là nhờ chút ít tiếng Pháp còn sót lại của thuở thiếu thời xa xưa. Thuở đó, mỗi ngày học trò phải chào cờ “Đại Pháp”, phải hát bài “*Maréchal ! Nous voilà !*”. Vào lớp phải đứng thẳng, đợi thầy nói “*Asseyez-vous*” rồi chồm câu với tiếng roi mây hay cây thước bằng đập lên bàn. Chừng đó, cả lớp đồng nói “*Nous nous asseyons*” rồi mới ngồi xuống. Ở cái thời như vậy mà sao cái “gốc” vẫn còn. Có lẽ nhờ truyền thống của ông cha và nhờ mấy quyển Quốc Văn Giáo Khoa Thư đã âm thầm nhen nhúm tình thương quê hương dân tộc.

Chúng tôi được “bốc” về đất liền ở thị xã Trengganu, rồi từ đó về Kuala Lumpur, thủ đô Mã Lai, để làm thủ tục giấy tờ. Hôm chuẩn bị lên xe để ra phi trường Kuala Lumpur “bay” đi Paris, lòng tôi như mở hội. Ngày mai chẳng biết ra sao, nhưng chân trời mới này đã thấy rộng thênh thang. Không phải cho tôi, mà là cho hai thằng con tôi đang trong tuổi lớn! Điều này tôi muốn chia sẻ với những người tị nạn đang đứng chum nhum ở lãnh sự quán Pháp đợi gọi lên xe ca, nhưng tiếc quá họ toàn là người Tàu Nam Vang và người Miên người Lào. Họ không biết tiếng Việt Nam, thành ra tôi... cụt hứng.

Chính ông phó lãnh sự gọi tên từng gia đình để trao thông hành và mời lên xe. Khi ông gọi đến gia đình “Lơ đi”, chẳng thấy ai nhúc nhích. Ông đưa mắt tìm trong đám đông rồi cái nhìn của ông ngừng lại ở tôi. Ông mỉm cười hỏi bằng tiếng Pháp:

- Gia đình ông người Việt phải không?

Tôi gật đầu “Ủy mong xiừ” mà tự hỏi làm sao ông nhận ra cái gốc Việt Nam của mình? Ông bèn trao tờ thông hành rồi chúc thượng lộ bình an. Lên xe ca, tôi đọc tấm giấy thấy đề: “Nom: Ledi - Prénom: Tu”. Tôi nhồm đậy định xuống xe phân trần, nhưng xe đã rồ máy và tôi cũng nghĩ lại: Cái vốn Pháp ngữ quá ít ỏi của mình không đủ để giải thích những gút mắt của cái họ cái tên Việt Nam, của dấu ê dấu sắc trong tiếng Việt Nam. Tôi đành ngồi xuống, thờ dài... : Thân phận lưu vong, bỏ hết mất hết đã đành, chỉ có cái họ cái tên là mang theo được

bên mình, vậy mà bây giờ nó cũng không còn nguyên vẹn hình hài và âm thanh của nó nữa ! Nghĩ đến đó, tôi bỗng nghe tủi thân đến ứa nước mắt....

Ở Pháp, tôi không “hành” nghề làm ruộng. Tôi làm thợ nhà in. Chắc tổ tiên dòng họ Lê Di, nhứt là vong hồn của cha tôi, muốn cho tôi - dù sống ở xứ người - cũng vẫn được gần với... chữ nghĩa ! Ở đây, người ta hay gọi tôi bằng cả họ lẫn tên “Ledi Tu”, bởi vì phát âm ‘Lơ đi tuy’, theo tiếng Pháp có nghĩa là “Mày có nói ra không?”. Tôi không thích, nhưng phải chấp nhận, như tôi đã chấp nhận định cư ở xứ này, bởi vì điều quan trọng vẫn là tương lai của hai thằng con. Tuy nhiên, lâu lâu tôi vẫn thèm được nghe gọi “Út Tư”, cái tên có âm thanh hiền lành bình dị, cái tên sao mà gọi nhớ quê cha đất mẹ vô cùng...

Bây giờ tôi đã về hưu. Ngày ngày tôi “chăn” bầy cháu nội, dạy dỗ chúng nó từng chút để chúng nó đừng thành “Tây con”. Khi nói chuyện với cha mẹ của chúng, tôi thường ví von:

- Ba giống như cây bần cây đước đã bị cơn bão năm 1975 bứng ra khỏi đất. Trôi nổi bập bênh theo sóng gió đại dương đến khi đụng một bến bờ nào đó, cho dù đất khô đá cứng, cây bần cây đước đó vẫn cố bám rễ để giữ lấy cái gốc. Bởi vì những nhánh nhóc bên trên rồi sẽ đâm chồi nảy lộc. Cái gốc đó – chắc các con còn nhớ – nó tên là Việt Nam.

Tiểu Tử